TÒA ÁNNHÂNDÂN
HUYỆN MƯỜNG T
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST
Ngày 15/04/2021
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG T, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Thành viên hội đồng xét xử: Bà Lý Thị The, ông Giàng A Lình

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.

Đại kiểm sát nhân dân huyện Mường T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020. Về việc ly hôn, con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2021; Thông báo về việc mở phiên tòa số 05/2021/TB- TA, ngày 01/04/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Đ - Sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản Nà H, xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Tự do. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đao Văn T - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Tự do. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vàng Duy D - Sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản Nà L, xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Công an bản. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Mường T, nguyên đơn chị Lý Thị Đ trình bày: Chị Đức kết hôn với anh Đao Văn T, sinh năm 1993, đăng ký kết hôn từ ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại UBND xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh Đao Văn T tại bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung

sống hạnh phúc với nhau. Đến tháng 02 năm 2020 hai vợ chồng bắt đầu sảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mỗi khi sảy ra mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên, giải hòa nhưng kết quả không đạt được, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, chị Đứ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại bản Nà H, xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được như ý muốn. Vợ chồng chị không còn tình với nhau nữa và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, do vậy chị Đ xin được xem xét giải quyết ly hôn với anh Tình.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ không thể đoàn tụ gia đình được nữa, xin được ly hôn với anh Đao Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đao Anh H, sinh ngày 29/6/2017. Về quyền nuôi con chung chị Đ nhận nuôi con chung đến khi cháu H đủ 18 tuổi .Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay con chung Đao Anh H đang ở bản Nà L, xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, ở tại gia đình anh Vàng Duy D, anh D muốn xin nhận làm con nuôi, nhưng anh T không nhất trí việc cho làm con nuôi.

Về tài sản chung và công nợ: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đao Văn T có ý kiến, quan điểm: Anh T kết hôn với chị Lý Thị Đ - sinh năm 1999, đăng ký kết hôn từ ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại UBND xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau, hai vợ chồng anh ở chung nhà bố mẹ đẻ anh Tìn tại bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Đến tháng 2 năm 2020 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tình cảm dần nhạt đi, mỗi khi sảy ra cãi cọ chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại bản Nà H, xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nhiều lần mâu thuẫn với mẹ chồng, mẹ chồng nói một lời thì con dâu nói hai lời, do chị Đ không đảm đang việc nội trợ trong gia đình. Sau khi ly thân mỗi người ở một nơi, anh T bảo chị Đ quay về nhà nhưng chị Đ không quay về, rồi chị Đ làm đơn xin ly hôn. Về quan hệ hôn nhân: Hai vợ chồng không thể đoàn tụ gia đình nên anh T nhất trí ly hôn với Lý Thị Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đao Anh H sinh ngày 29/6/2017. Về quyền nuôi con chung: Anh T nhất trí giao con chung cho chị Lý Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung và công nợ: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vàng Duy D trình bày: Tại phiên tòa hôm nay anh D không có yêu cầu độc lập trong vụ án

này. Anh D đề nghị xin được nhận nuôi con chung của chị Lý Thị Đ và anh Đao Văn T là cháu Đao Anh H. Lý do nhận nuôi cháu là vợ tôi là anh em họ hàng với Lý Thị Đ, hiện nay gia đình tôi cần có một con trai nên tôi có hỏi Lý thị Đ đưa cháu H về làm con nuôi được một thời gian. Đến nay vợ chồng Lý Thị Đ ly hôn về quyền nuôi con chung giao cho bố hoặc mẹ nuôi tôi đều đồng ý trả lại cho bố hoặc mẹ cháu H nuôi.

***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tiến hành các bước về thủ tục tố tụng đều đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/ 2016/ NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đ, đề nghị HĐXX công nhận chị Lý Thị Đ và anh Đao Văn T thuận tình ly hôn. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Đao Anh H, sinh ngày 29/6/2017 cho chị Lý Thị Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ18 tuổi. Về cấp dưỡng chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đao Văn T được quyền thăm con chung. Anh Vàng Duy D có trách nhiệm trả lại cháu Đao Anh H cho chị Đ.Về tài sản chung và công nợ: Chị Đ và anh T không có tài sản chung gì, Công nợ chung không có, nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị Lý Thị Đ và Đao Văn T là quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bum N, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu gia đình chị Đ và anh T sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống ly thân, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được.Trong thời gian này anh chị không có quan tâm nhau, cũng chẳng có trách nhiệm gì với nhau trong cuộc sống, xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn. Chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu của chị Lý Thị Đ, tại phiên tòa hôm nay chị Đ vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T với lý do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Ý kiến của anh T tại phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng đều đồng ý ly hôn với chị Đ, do hai vợ chồng không thể về đoàn tụ gia đình được nữa. Xét thấy anh chị thỏa thuận, thống nhất, nhất trí thuận tình ly hôn. HĐXX nghi nhận ý kiến của anh chị về việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội căn cứ theo Điều 54, 55, 57 LHNGĐ.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cháu Đao Anh H sinh ngày 29/6/2017 hiện nay cháu còn nhỏ dưới 07 tuổi, Theo yêu cầu trong đơn khởi kiện chị Đ xin được quyền nuôi con chung, tại phiên tòa chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Về cấp dưỡng chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh T từ khi ly thân nhau anh không quan tâm chăm sóc con chung để mặc cho chị Đ, ý kiến của anh T tại đơn xin xét xử vắng mặt giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc đến 18 tuổi. Về cấp dưỡng chị Đ không yêu cầu. HĐXX Căn cứ theo Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quyền thăm con chung: Anh T được quyền thăm con chung, chị Đ phải tạo điều kiện, không được ngăn cản nếu không gây trở ngại khách quan cho con chung..

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vàng Duy D xin giải quyết được nuôi con chung của chị Đ và anh T, để đảm bảo về mặt pháp lý nhận con nuôi thì phải được sự đồng ý của bố mẹ, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp trẻ và quyền lợi bình đẳng của vợ chồng. Do đó việc nhận con nuôi của anh D là chưa đảm bào, chưa phù hợp. Anh D có trách nhiệm trả lại cháu Đao Anh H cho chị Lý Thị Đ.

[4] Về tài sản chung: Không có gì, nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Công nợ không có gì, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi NVLQ có quyền kháng cáo, căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng

dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện chị Lý Thị Đ.

Chị Lý Thị Đ và anh Đao Văn T thuận tình ly hôn.

2.Về con chung: Giao con chung Đao Anh H sinh ngày 29/6/2017 cho chị Lý Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có trách nhiệm trả lại cháu Đao Anh H cho chị Lý Thị Đ.

Quyền thăm con chung: Anh T được quyền thăm con chung, chị Đ phải tạo điều kiện, không được ngăn cản việc thăm con chung, nếu không gây ảnh hưởng xấu cho con.

3.Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về công nợ: Tài sản chung không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công nợ không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/ 2010/0003876, ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện Mường T, xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; báo cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, bản án của Tòa án, lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

T /M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký
Lò Thị Chiến

Nơi nhận:
- *Toà án ND tỉnhLai châu;*
- *VKSND tỉnhLai châu;*
- *VKSND huyện Mường T*
- *Thi hành án dân sự huyện Mường T*
- *UBND xã Bum N*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*